

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2005/QĐ-BGD&ĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2005.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tạm thời Chương trình Tiếng Khmer
ở trường tiểu học và trung học cơ sở**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;

Căn cứ vào Kết luận thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình Tiếng

Khmer ở trường tiểu học và trung học cơ sở, ngày 25 tháng 8 năm 2005;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này, Chương trình Tiếng Khmer ở trường tiểu học và trung học cơ sở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn tài liệu giảng dạy và chỉ đạo dạy học Tiếng Khmer ở các trường tiểu học và trung học cơ sở. Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và

Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Vọng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG KHMER
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2005/QĐ-BGD&ĐT
 ngày 30 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU

1. Giúp học sinh dân tộc Khmer hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ (nghe, nói, đọc, viết; trọng tâm là đọc và viết), nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Khmer, tạo điều kiện bảo tồn, phát triển tiếng nói, chữ viết, văn hóa cổ truyền của dân tộc mình, góp phần xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một xã hội thống nhất trong đa dạng.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh dân tộc Khmer hoàn thành tốt chương trình giáo dục chung, trước hết là chương trình tiếng phổ thông - phương tiện quan trọng giúp các em phát triển, hòa nhập vào cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

II. NỘI DUNG

Chương trình Tiếng Khmer bao gồm 7

trình độ (A, B, C, D, E, G, H), chia làm ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (biết đọc, biết viết): trình độ A, B.

- Giai đoạn 2 (đọc - viết vững chắc): trình độ C, D.

- Giai đoạn 3 (đọc - viết thông thạo): trình độ E, G, H.

Mỗi trình độ ứng với 132 tiết.

TRÌNH ĐỘ A

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Nhận biết các chữ và dấu.
- Biết cách ráp vần, đánh vần.
- Đọc trơn tiếng, từ; hiểu nghĩa của từ.
- Đọc đúng câu, chuỗi câu. Nghỉ hơi đúng. Hiểu nội dung diễn đạt trong câu, chuỗi câu.

- Đọc được một số chữ số tự nhiên.

2. Viết

- Viết đúng nét các chữ và một số chữ số tự nhiên.

- Viết đúng các từ ngữ, câu, dấu ngắt câu, dấu hiệu ngắt cụm từ.

3. Nghe

- Nhận biết sự khác nhau giữa các âm, vần.

- Nghe - hiểu các câu hỏi đơn giản, lời hướng dẫn, yêu cầu của người đối thoại trong giao tiếp.

4. Nói

- Bước đầu có ý thức phát âm đúng.

- Nói đủ to, rõ ràng, thành câu.

- Trả lời được câu hỏi đơn giản.

- Biết nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi.

B. Kiến thức (qua thực hành, không có tiết học riêng)

1. Tiếng Khmer**a) Ngữ âm, chữ viết**

- Chữ ghi phụ âm, dấu nguyên âm; các dấu chuyển âm, triệt âm.

- Một số chữ số tự nhiên.

b) Từ ngữ, ngữ pháp

- Mở rộng vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước.

- Ngữ pháp: dấu ngắt câu, dấu hiệu ngắt cụm từ.

2. Văn học

Văn xuôi, văn vần (làm quen, nhận biết).

C. Ngữ liệu

Từ khóa, câu ứng dụng và thành ngữ, tục ngữ, ca dao, đồng dao của đồng bào Khmer Nam Bộ chứa các vần và từ ngữ cần học; đoạn văn vần, văn xuôi ngắn, đơn giản, dễ hiểu nói về nhà trường, gia đình, thiên nhiên, đất nước.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

Đọc được câu, chuỗi câu chứa các âm, vần, chữ đã học (tốc độ khoảng 20 từ/phút); hiểu nghĩa của từ, câu, nội dung chuỗi câu. Viết đúng nét các chữ. Chép đúng các từ trong câu (tốc độ khoảng 15 từ/15 phút). Hiểu lời hướng dẫn của giáo viên. Nói đủ to, rõ, trả lời được câu hỏi đơn giản.

TRÌNH ĐỘ B**A. Kỹ năng****1. Đọc**

- Đọc đúng và rõ ràng các từ ngữ trong bài.

- Đọc trôi chảy câu, chuỗi câu, đoạn văn ngắn. Biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có các dấu câu (dấu ngắt câu, dấu hiệu ngắt cụm từ, các dấu câu khác).

- Bước đầu biết đọc thầm.
- Hiểu nghĩa của từ, câu, nội dung của đoạn. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung bài tập đọc.
- Thuộc lòng một số đoạn văn vắn.
- Đọc thêm được một số chữ số tự nhiên.

2. Viết

- Viết đúng và đủ nét các chữ, các từ và câu ngắn.
- Nhìn - viết, nghe - viết đúng chính tả chuỗi câu hoặc đoạn văn có độ dài khoảng 20, 25 từ quen thuộc. Trình bày bài viết đúng quy định.
- Viết thêm được một số chữ số tự nhiên.

3. Nghe

- Nhận biết sự khác nhau giữa các âm, vần.
- Nghe - hiểu câu hỏi, lời kể, lời hướng dẫn, yêu cầu của người đối thoại trong giao tiếp.
- Nghe - hiểu và nhớ nội dung những mẩu chuyện đơn giản thầy cô kể.

4. Nói

- Biết trả lời câu hỏi đơn giản về nội dung của bài đọc hoặc mẩu chuyện được nghe kể.
- Biết nói lời mời, nhờ, đề nghị, đồng ý, không đồng ý...

- Thuật lại được bằng vài ba câu một sự việc đơn giản theo câu hỏi và tranh minh họa.

- Kể được mẩu chuyện vừa nghe thầy cô kể.

B. Kiến thức (qua thực hành, không có tiết học riêng)

1. Tiếng Khmer

a) Ngũ âm, chữ viết

- Quy tắc gửi chân, chồng vần.

- Học thêm một số chữ số tự nhiên.

b) Từ ngữ, ngữ pháp

- Mở rộng vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước.

- Đặt câu kể, câu hỏi đơn giản theo mẫu.

2. Văn học

- Đoạn văn, khổ thơ (làm quen, nhận biết).

- Vần trong thơ (làm quen, nhận biết).

C. Ngữ liệu

Từ khóa, câu ứng dụng và thành ngữ, tục ngữ, ca dao, đồng dao, truyện dân gian của dân tộc Khmer; đoạn, bài văn vắn, văn xuôi ngắn, đơn giản, dễ hiểu nói về nhà trường, gia đình, thiên nhiên, đất nước (có thể tham khảo từ sách Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2). Chú ý những văn

bản phản ánh đặc điểm thiên nhiên, đời sống văn hóa, xã hội... của đồng bào Khmer Nam Bộ.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

Đọc được đoạn văn ngắn chứa các âm, vần, chữ đã học (tốc độ khoảng 30 từ/phút); hiểu nghĩa của từ, câu, nội dung của đoạn. Viết đúng chính tả đoạn văn ngắn (tốc độ khoảng 20 từ/15 phút). Hiểu những mẩu chuyện giáo viên kể. Kể lại được những mẩu chuyện đơn giản đã nghe, đã đọc.

TRÌNH ĐỘ C

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Thuộc bảng chữ ghi phụ âm và dấu nguyên âm. Nhận biết chữ hoa.

- Đọc đúng, rõ ràng, lưu loát đoạn văn, bài văn ngắn; biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.

- Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn trình độ B.

- Hiểu nghĩa của từ, câu và nội dung của đoạn, bài.

- Bước đầu biết nhận xét về nhân vật, hình ảnh, chi tiết.

- Biết đặt đầu đề đoạn văn.

- Thuộc lòng một số bài văn vần.

- Đọc thêm được một số chữ số tự nhiên.

2. Viết

- Viết đúng, rõ ràng, đều nét và tương đối nhanh các chữ cỡ nhỏ.

- Nhìn - viết, nghe - viết đúng chính tả các đoạn văn, đoạn thơ hoặc bài văn ngắn. Trình bày bài viết đúng quy định. Biết phát hiện và sửa lỗi chính tả khi viết.

- Biết sử dụng từ đúng, biết đặt câu đơn theo mẫu.

- Viết được những đoạn văn đơn giản theo câu hỏi gợi ý.

- Viết thêm được một số chữ số tự nhiên.

3. Nghe

- Phân biệt được các âm, vần để viết đúng chính tả.

- Hiểu nội dung của lời đối thoại, ý kiến trao đổi trong buổi học, trong sinh hoạt lớp.

- Hiểu những câu chuyện đơn giản thầy cô kể, hiểu nội dung những văn bản phổ biến khoa học đơn giản, những tin tức ngắn trên đài phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer.

4. Nói

- Biết dùng lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Thuật lại được nội dung chính của

các mẫu tin ngắn, văn bản phổ biến khoa học phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh.

- Biết giới thiệu hoạt động của tổ, của lớp.

- Kể lại được tương đối rõ ràng từng đoạn của câu chuyện đã nghe, đã đọc.

B. Kiến thức (qua thực hành, không có tiết học riêng)

1. Tiếng Khmer

a) Ngữ âm, chữ viết

- Một số ứng dụng của bảng chữ ghi phụ âm và dấu nguyên âm.

- Học thêm một số chữ số tự nhiên.

b) Từ ngữ, ngữ pháp

- Mở rộng vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) theo các chủ điểm nói về gia đình, nhà trường, thiên nhiên, đất nước.

- Nguyên âm độc lập.

- Một số mẫu câu đơn cơ bản.

2. Văn học

- củng cố hiểu biết về văn trong thơ.

- Một số thể thơ: thơ 4 chữ, 7 chữ (các thể thơ truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ).

3. Tập làm văn

Tạo lập các đoạn văn đơn giản dựa vào các câu hỏi gợi ý.

C. Ngữ liệu

Văn bản: truyện kể, văn miêu tả, văn vãn và thơ, tin tức, văn bản phổ biến kiến thức khoa học phù hợp với các chủ điểm nói về thiếu nhi, về cuộc sống của thiếu nhi trong gia đình, trường học, về cộng đồng, quê hương, các dân tộc anh em,... (có thể tham khảo sách Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3).

Chú ý những văn bản phản ánh đời sống lao động và những giá trị tinh thần (tâm lý, tình cảm, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ, phong tục tập quán,...) của đồng bào Khmer Nam Bộ.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

Đọc được bài văn ngắn tương đối rõ ràng, rành mạch (tốc độ khoảng 50 từ/phút); hiểu nội dung của bài. Viết bằng chữ cỡ nhỏ rõ ràng, đều nét và đúng chính tả đoạn văn hoặc bài văn ngắn (tốc độ khoảng 30 từ/15 phút). Viết được những đoạn văn đơn giản theo câu hỏi gợi ý. Hiểu những câu chuyện đơn giản hoặc tin tức ngắn được nghe. Kể lại được rõ ràng từng đoạn câu chuyện đã nghe, đã đọc; thuật lại được một vài mẫu tin; giới thiệu được một số hoạt động quen thuộc của tổ, của lớp.

TRÌNH ĐỘ D

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Đọc trôi chảy các bài văn vần, văn xuôi.

- Bước đầu biết đọc diễn cảm phù hợp với nội dung bài văn.

- Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn trình độ C.

- Biết giải nghĩa một số từ ngữ; nhận biết được các từ đồng nghĩa, trái nghĩa trong bài đọc.

- Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc.

- Thuộc lòng một số bài văn vần.

2. Viết

- Nghe - viết, nhớ - viết đúng chính tả bài văn ngắn.

- Nắm vững các quy tắc chính tả đã học; biết tự phát hiện và sửa lỗi chính tả khi viết.

- Biết viết câu đúng ngữ pháp, liên kết các câu thành đoạn, bài.

- Biết viết thư; viết được những đoạn văn kể chuyện, kể việc, tả ngắn về đồ vật, cây cối, con vật. Thể hiện được cảm nghĩ của bản thân qua bài viết.

3. Nghe

- Nhận ra thái độ, tình cảm của người nói qua lời lẽ, ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt.

- Nghe - hiểu các tin tức hoặc văn bản phổ biến kiến thức khoa học có nội dung

phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi, nhắc lại được các sự kiện chính.

- Nghe - hiểu và nhớ nội dung, chi tiết, nhận xét được về nhân vật và sự kiện.

4. Nói

- Biết dùng từ đúng khi nói, diễn tả rõ ràng ý định nói.

- Biết dùng lời nói phù hợp với quy tắc giao tiếp của người Khmer nơi công cộng trong sinh hoạt ở gia đình, nhà trường.

- Biết bày tỏ ý kiến, thái độ về vấn đề đang trao đổi.

- Biết thông báo những tin ngắn về một số vấn đề gần gũi với lứa tuổi, gần với chủ điểm được học, có kèm lời nhận xét đơn giản.

- Biết giới thiệu về địa phương.

- Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc hoặc sự kiện đã biết, biết nhận xét về các nhân vật hoặc sự kiện trong câu chuyện.

B. Kiến thức (có một số tiết riêng để học kiến thức lý thuyết)

1. Tiếng Khmer

- Mở rộng vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) theo các chủ điểm nói về những phẩm chất của con người (lòng nhân hậu, lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan yêu đời...), một số vấn đề lớn của đất nước (bảo vệ Tổ quốc, tình

đoàn kết giữa các dân tộc anh em, bảo vệ môi trường...).

- Các hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

- Cấu tạo của câu đơn.

2. Văn học

Cốt truyện và nhân vật trong một số truyện Khmer.

3. Tập làm văn

- Đầu đề văn bản.

- Kết cấu 3 phần của văn bản kể chuyện, miêu tả.

C. Ngữ liệu

Văn bản: tục ngữ, thành ngữ, ca dao, thơ, truyện kể, văn miêu tả, tin tức, văn bản phổ biến kiến thức khoa học phù hợp với các chủ điểm nói về những phẩm chất của con người (lòng nhân hậu, lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan yêu đời...), những vấn đề lớn của đất nước như: bảo vệ Tổ quốc, tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em, bảo vệ môi trường,... (có thể tham khảo sách Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5).

Chú ý những văn bản phản ánh đặc điểm văn hóa, những giá trị tinh thần (tâm lý, tình cảm, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ, phong tục tập quán...) của đồng bào Khmer Nam Bộ.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

- Đọc trôi chảy các bài văn, bài thơ (tốc

độ khoảng 70 từ/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm phù hợp với nội dung của bài; hiểu ý nghĩa của bài. Viết rõ ràng, đều nét, đúng chính tả các bài văn ngắn (tốc độ khoảng 40 từ/15 phút). Viết được những bức thư ngắn, những đoạn văn đơn giản để kể chuyện hoặc tả đồ vật, cây cối, con vật. Hiểu những câu chuyện, những tin tức hoặc văn bản phổ biến kiến thức khoa học được nghe. Kể lại được tương đối đầy đủ những thông tin hoặc câu chuyện đã nghe, đã đọc; giới thiệu được một số hoạt động của địa phương.

- Hệ thống hóa và mở rộng được vốn từ theo chủ điểm nội dung. Nắm được các hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa. Nắm được cấu tạo của câu đơn.

TRÌNH ĐỘ E

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Đọc lưu loát, diễn cảm, phù hợp với nội dung văn bản.

- Hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) những truyện kể đơn giản từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

- Xác định được dàn ý của bài đọc, tình cảm, thái độ của người viết.

2. Viết

- Viết chính tả tương đối thành thạo.

- Biết tóm tắt văn bản tự sự.

- Viết được những đoạn văn, bài văn kể chuyện, tả cảnh, tả người. Biết phát hiện và sửa lỗi trong bài viết.

3. Nghe

- Biết lắng nghe, nắm bắt nhanh thông tin, đánh giá đúng tình cảm, thái độ, chủ đích của người nói.

- Nghe - hiểu và dịch lại được những mẫu tin, mẫu chuyện từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

4. Nói

- Biết sử dụng các yếu tố ngôn ngữ thích hợp để thuật lại cho người khác một câu chuyện, một nội dung thông tin (khoa học, tin tức...) sao cho phù hợp với tư tưởng, tình cảm của mình và phù hợp với các đối tượng nghe khác nhau

- Trình bày được ý kiến cá nhân về nội dung các bài văn đã học.

B. Kiến thức (có một số tiết riêng để học kiến thức lý thuyết)

1. Tiếng Khmer

- Mở rộng vốn từ theo các chủ điểm: gìn giữ hòa bình và tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em, bảo vệ môi trường, quyền của trẻ em...

- Cấu tạo của từ.

- củng cố cách dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa.

- Danh từ, động từ, tính từ.

- Ôn tập về câu đơn.

2. Văn học

Các thể loại truyện dân gian Khmer.

3. Tập làm văn

- Văn kể chuyện có yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Văn tả cảnh và tả người có yếu tố tự sự và biểu cảm.

- Tóm tắt văn bản tự sự.

C. Ngữ liệu

- Một số văn bản dân gian và hiện đại phù hợp với các chủ điểm nói về những vấn đề lớn: gìn giữ hòa bình và tình đoàn kết giữa các dân tộc, bảo vệ môi trường, quyền của trẻ em... (có thể tham khảo sách Ngữ văn 6).

- Một số văn bản phổ biến kiến thức khoa học, phổ biến tin tức, tuyên truyền đường lối chính sách gắn với thực tiễn đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ và người Việt Nam hiện đại.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

- Đọc - hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) những đoạn truyện kể ngắn từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại. Viết chính tả tương đối thành thạo. Biết tóm tắt văn bản tự sự. Viết được những đoạn văn, bài văn tả cảnh, tả người. Nghe - hiểu và dịch lại được những mẫu

tin hoặc mẫu chuyện ngắn. Trình bày được ý kiến cá nhân về nội dung những bài đã học.

- Tiếp tục hệ thống hóa và mở rộng vốn từ theo chủ điểm nội dung. Nắm được các mô hình cấu tạo của từ; các từ loại danh từ, động từ, tính từ.

TRÌNH ĐỘ G

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Đọc lưu loát, thể hiện đúng nội dung và phong cách văn bản.

- Hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) một số bài phổ biến khoa học đơn giản từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

- Nắm được chủ đề, chi tiết, bố cục của văn bản.

2. Viết

- Biết tóm tắt văn bản thuyết minh đơn giản.

- Biết viết đoạn văn, bài văn phát biểu cảm nghĩ và thuyết minh về một sự vật, hiện tượng quen thuộc trong đời sống. Biết phát hiện và sửa lỗi trong bài viết.

3. Nghe

- Nghe - hiểu và biết nhận xét ý kiến

của các bạn trong các cuộc thảo luận của tổ, của lớp; hiểu lời thuyết trình của thầy cô và của các bạn trong giờ học.

- Nghe - hiểu và dịch lại được một số bài phổ biến khoa học, các bài đọc là văn bản tự sự từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

4. Nói

- Trình bày được ý kiến cá nhân về những vấn đề được trao đổi trong tập thể tổ, lớp.

- Biết cách lời cuốn, thuyết phục người nghe và bảo vệ ý kiến của mình.

B. Kiến thức (có một số tiết riêng để học kiến thức lý thuyết)

1. Tiếng Khmer

- Mở rộng vốn từ theo các quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm.

- Đại từ, quan hệ từ, cấu tạo của câu ghép.

- Một số kiểu cấu trúc câu đặc trưng Khmer.

- củng cố cách sử dụng các dấu câu.

2. Văn học

Các thể loại văn vần dân gian Khmer.

3. Tập làm văn

- Cách làm bài văn phát biểu cảm nghĩ.

- Cách làm bài văn thuyết minh đơn giản.

- Tóm tắt văn bản thuyết minh.

C. Ngữ liệu

- Một số văn bản văn học dân gian và hiện đại phản ánh đặc điểm văn hóa, những giá trị tinh thần (lễ hội, di tích, thắng cảnh, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ, phong tục tập quán...) của đồng bào Khmer Nam Bộ.

- Một số văn bản văn học, nghị luận, phổ biến khoa học, tin tức... (có thể tham khảo sách Ngữ văn 7).

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

- Đọc - hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) một số văn bản phổ biến khoa học từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại. Biết tóm tắt văn bản thuyết minh đơn giản. Viết được những đoạn văn phát biểu cảm nghĩ hoặc thuyết minh. Nghe - hiểu và dịch lại được một số bài phổ biến khoa học. Trình bày được ý kiến cá nhân về những vấn đề của tổ, lớp.

- Hệ thống hóa và mở rộng vốn từ theo các trục đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm. Nắm được các từ loại đại từ, quan hệ từ và cấu tạo của câu ghép, một số kiểu cấu trúc câu đặc trưng Khmer.

TRÌNH ĐỘ H

A. Kỹ năng

1. Đọc

- Đọc lướt các loại văn bản nghệ

thuật, chính luận, báo chí, hành chính, pháp luật.

- Đọc - hiểu và dịch lại được (dịch miệng, dịch viết) một số văn bản hành chính, pháp luật, nghị luận đơn giản từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

- Hiểu được nội dung chính (đề tài, chủ đề, tư tưởng) và hình thức (thể loại, bố cục, cốt truyện, nhân vật, chi tiết tiêu biểu) của văn bản nghệ thuật. Bước đầu thấy được vai trò và tác dụng của hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung văn bản nghệ thuật, chính luận.

- Biết tra cứu từ điển Việt - Khmer, Khmer - Việt hoặc từ điển tương đương tiếng Khmer để hiểu những từ khó và làm giàu vốn từ cho cả hai thứ tiếng.

2. Viết

- Biết tóm tắt văn bản nghị luận đơn giản.

- Viết được những đoạn văn nghị luận chứng minh, giải thích. Biết phát hiện và sửa lỗi trong bài viết.

3. Nghe

- Nghe - hiểu các thông tin, nắm được quan điểm, thái độ của người nói, sẵn sàng tham gia đối thoại, thảo luận.

- Nghe - hiểu và dịch lại được một số văn bản hành chính, pháp luật thông dụng từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại.

4. Nói

- Biết phát biểu ý kiến rõ ràng, biểu cảm trong giao tiếp cộng đồng.

- Biết cách trình bày và bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể về một số vấn đề xã hội (bảo vệ môi trường, bảo vệ trật tự an ninh, chăm sóc trẻ em...).

B. Kiến thức (có một số tiết riêng để học kiến thức lý thuyết)

1. Tiếng Khmer

- Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ theo các trục: từ trừu tượng - từ cụ thể; từ thuần Khmer - từ vay mượn; từ biểu cảm - từ trung hòa...

- Trợ từ và thán từ.

- Cấu tạo và cách dùng các kiểu câu trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.

2. Văn học

Một số loại hình nghệ thuật của đồng bào Khmer Nam Bộ.

3. Tập làm văn

- Văn nghị luận: giải thích và chứng minh.

- Tóm tắt văn bản nghị luận.

C. Ngữ liệu

- Một số tác phẩm văn học của đồng bào Khmer Nam Bộ (chủ yếu là văn học dân gian).

- Một số văn bản, tác phẩm đặc sắc về văn học, văn hóa, khoa học được dịch từ chương trình chung. Chú ý lựa chọn những văn bản, tác phẩm không có hoặc không đủ trong văn học Khmer.

D. Yêu cầu cơ bản cần đạt

- Đọc - hiểu và dịch được (dịch miệng, dịch viết) một số văn bản hành chính, phổ biến pháp luật đơn giản từ tiếng Khmer sang tiếng Việt và ngược lại. Biết tóm tắt văn bản nghị luận đơn giản. Viết được những đoạn văn chứng minh, giải thích. Nghe - hiểu và dịch lại được một số văn bản hành chính, phổ biến pháp luật thông dụng. Trình bày được ý kiến cá nhân về một số vấn đề xã hội (bảo vệ môi trường, bảo vệ trật tự an ninh, chăm sóc trẻ em...).

- Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ theo các trục: từ trừu tượng - từ cụ thể; từ thuần Khmer - từ vay mượn; từ biểu cảm - từ trung hòa,... Nắm được các từ loại trợ từ, thán từ; cấu tạo và cách dùng các kiểu câu trần thuật, nghi vấn, cầu khiến và cảm thán.

III. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm xây dựng chương trình

a) Dạy giao tiếp

Dạy tiếng Khmer là dạy tiếng mẹ đẻ

cho người bản ngữ. Vì vậy, chương trình giảng dạy cần dựa vào vốn ngôn ngữ của học sinh, tổ chức các hoạt động giao tiếp cho học sinh để phát triển các kỹ năng giao tiếp của người bản ngữ.

Về nội dung, thông qua các bài học, môn Tiếng Khmer tạo ra những môi trường giao tiếp có chọn lọc để học sinh mở rộng vốn từ theo định hướng, trang bị những tri thức cơ bản và phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Khmer. Ở giai đoạn đầu, học sinh được rèn luyện kỹ năng và tiếp thu kiến thức thông qua các bài tập thực hành; từ trình độ D mới bố trí một số tiết riêng để học kiến thức ngôn ngữ và văn học.

Về phương pháp dạy học, các kỹ năng nói trên được rèn luyện thông qua nhiều bài tập mang tính tình huống, phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên.

b) Tích hợp

- Tích hợp theo chiều ngang

Tích hợp theo chiều ngang trước hết là tích hợp kiến thức tiếng Khmer với các mảng kiến thức về văn học, thiên nhiên, con người và xã hội theo nguyên tắc đồng quy.

Để tạo điều kiện cho học sinh dân tộc Khmer học tốt các môn học trong chương trình chung (trước hết là môn Tiếng Việt ở tiểu học và Ngữ văn ở trung học cơ sở), đồng thời giảm bớt khối lượng học tập, góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo

của cấp học, việc dạy tiếng Khmer cần tích hợp với môn Tiếng Việt, môn Ngữ văn và một số môn học khác. Cụ thể là:

+ Cấu trúc chương trình và sách giáo khoa Tiếng Khmer cần được thiết kế phù hợp với cấu trúc của chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học và Ngữ văn trung học cơ sở.

+ Bên cạnh các văn bản văn học dân gian Khmer hoặc những tài liệu từ nguyên gốc tiếng Khmer phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán... của đồng bào Khmer Nam Bộ, sách giáo khoa Tiếng Khmer có thể tham khảo một số bài đọc, bài tập từ sách giáo khoa Tiếng Việt và sách giáo khoa các môn học khác.

+ Việc dạy kiến thức từ vựng và ngữ pháp tiếng Khmer tập trung chủ yếu vào các đặc trưng của tiếng Khmer so với tiếng Việt.

+ Sách giáo khoa Tiếng Khmer cần có bảng chú giải từ ngữ tiếng Khmer sang tiếng Việt ở cuối sách. Những từ ngữ được đưa vào bảng chú giải là những từ ngữ quan trọng trong các bài đọc, bài tập để giúp học sinh nắm được ngay từ ngữ hoặc cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt, tạo điều kiện thuận lợi cho các em hoàn thành tốt chương trình giáo dục chung.

Cuối cùng, yêu cầu tích hợp theo chiều ngang còn thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ,

hữu cơ giữa việc trang bị kiến thức với việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho học sinh.

- Tích hợp theo chiều dọc

Tích hợp theo chiều dọc là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và kỹ năng mới những kiến thức và kỹ năng đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm (còn gọi là đồng trục hay phát triển). Cụ thể là: kiến thức và kỹ năng của lớp trên, bậc học trên bao hàm kiến thức và kỹ năng của lớp dưới, bậc học dưới, nhưng cao hơn, sâu hơn kiến thức và kỹ năng của lớp dưới, bậc học dưới.

c) Tích cực hóa hoạt động học tập của người học

Tích cực hóa hoạt động của người học là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, trong đó giáo viên đóng vai trò người tổ chức hoạt động của học sinh; mỗi học sinh đều được hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Theo phương pháp tích cực hóa hoạt động học tập của người học, sách giáo khoa tiếng Khmer không trình bày kiến thức như là những kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập nhằm hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động chiếm lĩnh kiến thức và phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ.

2. Cấu trúc của chương trình

a) Các trình độ

Chương trình Tiếng Khmer được thiết kế theo 7 trình độ (A, B, C, D, E, G, H) nhằm tạo điều kiện cho các địa phương áp dụng linh hoạt chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình và của người học. Bảy trình độ này được chia thành 3 giai đoạn, tương đương với hai bậc học (tiểu học và trung học cơ sở) của chương trình chung:

- Trình độ A và B: dạy cho học sinh biết đọc, biết viết chữ Khmer.

- Trình độ C và D: dạy cho học sinh biết đọc và viết chữ Khmer vững chắc.

- Trình độ E, G và H: dạy cho học sinh biết đọc và viết chữ Khmer thành thạo.

Căn cứ vào chương trình, sách giáo khoa có thể được biên soạn theo các phân môn: Học vần (dạy học sinh đọc thành tiếng, đọc thầm các ký tự (chữ cái, dấu) và tổ hợp ký tự thành âm, âm tiết, từ ngữ, câu, chuỗi câu và hiểu nghĩa của các đơn vị có nghĩa); tập đọc (dạy học sinh kỹ năng đọc thành tiếng, đọc thầm và hiểu nội dung các từ ngữ, câu, đoạn, bài, nhằm củng cố và phát triển kỹ năng đọc); kể chuyện (rèn các kỹ năng nghe, đọc và nói cho học sinh thông qua các hình thức kể lại những câu chuyện đã nghe, đã đọc hoặc sự kiện đã biết); tập viết (rèn cho học sinh kỹ năng viết chữ đúng mẫu và đều nét); chính tả (rèn luyện để học sinh viết đúng các câu, chuỗi câu, đoạn, bài, theo ba hình thức chủ yếu: nhìn - viết (tập chép), nghe - viết và nhớ - viết);

luyện từ và câu (mở rộng vốn từ, trang bị kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp và rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu cho học sinh); tập làm văn (rèn kỹ năng tạo lập các văn bản nói và viết cho học sinh; độ dài, độ phức tạp và hình thức thể hiện của các văn bản có thể khác nhau tùy theo từng giai đoạn học tập, từ thực hành một số nghi thức giao tiếp như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi,... trả lời câu hỏi đến tạo lập văn bản hoàn chỉnh).

Sự phân bổ thời lượng cho các phân môn cần hợp lý, cân đối và rõ mức độ quan tâm của mỗi phân môn ở từng trình độ, tránh tình trạng dành quá nhiều thời gian cho kỹ năng này mà coi nhẹ kỹ năng kia. Trong phạm vi thời lượng dành cho mỗi phân môn, người biên soạn sách giáo khoa có thể chủ động sắp xếp thời gian để dạy kiến thức, kỹ năng mới hay ôn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng đã học theo nội dung, yêu cầu quy định cho từng trình độ.

b) Yêu cầu về ngữ liệu của chương trình

- Việc dạy tiếng Khmer chủ yếu dựa trên các văn bản văn học, văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer, phản ánh đời sống lao động và những giá trị tinh thần (tâm lý, tình cảm, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ, phong tục tập quán...) của dân tộc Khmer và phù hợp với yêu cầu rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nghe, nói của mỗi trình độ.

- Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận

lợi cho học sinh hoàn thành tốt chương trình chung, có thể tham khảo một số văn bản từ sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học hoặc sách giáo khoa Ngữ văn trung học cơ sở có giá trị đặc sắc về chính trị - xã hội, văn học, văn hóa, khoa học, giúp học sinh hiểu thêm về nội dung và nghệ thuật xây dựng các tác phẩm đó.

3. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để việc dạy học tiếng Khmer thực hiện được mục tiêu rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kiến thức và giáo dục nhân cách, cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, chú ý những phương pháp đặc trưng như: thực hành giao tiếp, đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ... Cần nắm được ưu điểm của từng phương pháp để sử dụng hợp lý, đúng lúc, đúng chỗ; đồng thời biết phối hợp linh hoạt các phương pháp đã nêu với các phương pháp dạy học khác như diễn giảng, thảo luận, đặt và giải quyết vấn đề, sử dụng các phương tiện trực quan...

Hoạt động học tập của học sinh được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc theo lớp. Học sinh được tổ chức làm việc độc lập trong trường hợp câu hỏi, bài tập đặt ra những yêu cầu cụ thể, tương đối dễ thực hiện. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong

trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít học sinh được hoạt động thì tổ chức làm việc theo nhóm. Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp giáo viên thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, nêu những câu hỏi không yêu cầu phải suy nghĩ lâu hoặc cho học sinh trình bày kết quả làm việc.

4. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đánh giá kết quả học tập của học sinh là khâu quan trọng trong quá trình dạy học, cần phải được đổi mới để kích thích học sinh học tập, đồng thời giúp kiểm soát, quản lý chất lượng giáo dục. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo hai phương thức: kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Về nguyên tắc, các nội dung học tập

nêu trong chương trình đều phải được kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, với mỗi nội dung sẽ có cách kiểm tra khác nhau:

- Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ, nghe và nói được đánh giá bằng những sản phẩm của học sinh.

- Các kỹ năng đọc - hiểu, dùng từ, đặt câu, những kiến thức về quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp có thể được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở.

- Các kỹ năng viết đoạn, bài văn được đánh giá bằng bài kiểm tra viết.

Bên cạnh hoạt động đánh giá của giáo viên, cần tạo điều kiện để học sinh được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Vọng